| | |
|---|---|
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 5112 /QĐ-BNN-XD | *Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 4) Dự án thành phần "DATP8: Xây dựng, cải tạo Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô, giai đoạn 2" thuộc Dự án "Đầu tư cơ sở vật chất cho khối trường khu vực Hà Nội và Nam đồng bằng sông Hồng"**

## BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ các Quyết định số 3238/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021, số 3567/QĐ-BNN-KH ngày 21/9/2022 và số 722/QĐ-BNN-KH ngày 13/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án "Đầu tư cơ sở vật chất cho Khối trường khu vực Hà Nội và Nam đồng bằng sông Hồng";*

*Căn cứ Quyết định số 3821/QĐ-BNN-XD ngày 10/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự án đầu tư dự án thành phần "DATP8: Xây dựng, cải tạo Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô, giai đoạn 2";*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số*

*4035/QĐ-BNN-XD ngày 25/10/2022, số 1510/QĐ-BNN-XD ngày 14/4/2023 và số 1053/ QĐ-BNN-XD ngày 12/4/2024 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các đợt của DATP trên;*

*Xét đề nghị của Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô tại các Tờ trình số 1500/TTr-CĐVX-DA ngày 25/12/2024 trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, số 1501/TTr-CĐVX-DA ngày 25/12/2024 trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 4) Dự án thành phần "DATP8: Xây dựng, cải tạo Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô, giai đoạn 2", Báo cáo giám sát đánh giá điều chỉnh dự án số 1499/BC-CĐVX-DA ngày 25/12/2024 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1770/BC-XD-TĐ ngày 27/12/2024) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần (DATP) "DATP8: Xây dựng, cải tạo Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô, giai đoạn 2" tại Quyết định số 3821/QĐ-BNN-XD ngày 10/10/2022 như sau:

**1. Điều chỉnh một số nội dung Điều 1:**

a) Bổ sung vào khoản 6 (Tổ chức tư vấn):

"- *Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh: Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AVITYCO. Chủ nhiệm thiết kế bổ sung: Kiến trúc sư Lê Thành Vinh.*

- *Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh: Công ty Cổ phần Kiến trúc Viễn Đông.*"

b) Điều chỉnh khoản 8:

"8. Địa điểm xây dựng: *Khu I* và II của Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô tại thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình."

c) Điều chỉnh, bổ sung điểm 9.1 (Quy mô, nội dung đầu tư) khoản 9:

"a) Tại khu II: Xây dựng mới khối nhà lớp học gồm: Nhà lớp học số 2, Nhà lớp học số 3, hành lang cầu; Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (sân đường nội khu, cấp điện, cấp thoát nước…) và một số hạng mục phụ trợ khác.

*b) Mua sắm trang thiết bị gồm: Thiết bị công trình (thiết bị điện nhẹ, phòng cháy chữa cháy, điều hòa nhiệt độ…) và thiết bị phục vụ đào tạo (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này).*

*c) Tại khu I: Xây dựng mới Xưởng thực hành gò và Xưởng thực hành hàn*".

d) Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại điểm 9.2 (Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu) khoản 9:

- Bổ sung vào điểm 9.2.1 (Nhà lớp học số 2): "*Khu vệ sinh: tường, nền, sàn*

*ốp lát gạch ceramic; vách ngăn dùng tấm compact HPL, trần nhôm.*"

- Bổ sung vào điểm 9.2.4 (Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà): "*Cấp nước ngoài nhà: Bể chứa nước ngầm (khoảng 30m$^3$), kết cấu BTCT.*"

- Bổ sung điểm 9.2.5 vào khoản 9:

"9.2.5. *Xưởng thực hành gò và Xưởng thực hành hàn (khu vực I):*

*- Kiến trúc: 02 tầng; diện tích xây dựng khoảng 645m$^2$, tổng diện tích sàn khoảng 995m$^2$; tầng 1 cao 4m, tầng 2 cao 3,6m;*

*- Kết cấu: Móng đơn, giằng móng, cột, dầm, sàn, sàn mái… BTCT; tường xây gạch; mái lắp đặt vì kèo, xà gồ thép, lợp tôn; nền đổ BTXM.*

*- Hoàn thiện: Nền khu thực hành sơn Epoxy tăng cứng, phần còn lại (ở tầng 1) và sàn tầng 2 lát gạch granite; tường, trần trát vữa XM, sơn nước không bả. Cửa đi, cửa sổ, vách kính khung nhôm hệ, kính an toàn; cửa chính khung thép bịt tôn, cửa chống cháy chuyên dụng. Khu vệ sinh: tường, nền, sàn ốp lát gạch ceramic, có trần;*

*- Hạ tầng kỹ thuật:*

*+ Cấp điện trong nhà dùng cáp và dây dẫn ruột đồng chôn ngầm, lắp đặt tủ điện, các thiết bị điện và phụ kiện kèm theo; cấp điện vào nhà dùng cáp nhôm đi nổi kết hợp chôn ngầm. Chống sét dùng kim thu sét lắp trên đỉnh mái và hệ thống tiếp địa theo quy định;*

*+ Cấp thoát nước dùng ống nhựa các loại chôn ngầm; lắp đặt bồn nước mái inox, các thiết bị và phụ kiện kèm theo; thoát nước ngoài nhà dùng ống nhựa kết hợp rãnh và hố ga chôn ngầm;*

*+ Lắp đặt hệ thống điện nhẹ (mạng LAN, giám sát hình ảnh...), phòng cháy chữa cháy (hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy...) theo quy định.*

*+ Sân nội khu lát gạch terrazzo; lối vào xưởng đổ BTXM; bó vỉa viên BTXM đúc sẵn.*"

e) Điều chỉnh khoản 11:

"*a) Tổng mức đầu tư xây dựng:* ***49.500.000.000 đồng*** *(Bốn mươi chín tỷ, năm trăm triệu đồng).*

*b) Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:*

| | | |
|---|---|---|
| *- Chi phí xây dựng:* | *40.323.226.000* | *đồng;* |
| *- Chi phí thiết bị:* | *3.508.370.000* | *đồng;* |
| *- Chi phí quản lý dự án:* | *861.691.000* | *đồng;* |
| *- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:* | *2.877.290.000* | *đồng;* |
| *- Chi phí khác:* | *466.477.000* | *đồng;* |
| *- Chi phí dự phòng:* | *1.462.946.000* | *đồng.* |

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này)*"

Giá trị các khoản mục chi phí đã hoặc đang thực hiện trong Tổng mức đầu tư xây dựng được cập nhật từ các Quyết định đã phê duyệt của Chủ đầu tư DATP. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước Pháp luật về giá trị các khoản chi phí và nội dung trong các quyết định này.

**2. Bổ sung vào khoản 2 Điều 2:**

"*2. Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt tính năng, thông số kỹ thuật các thiết bị phục vụ đào tạo trên cơ sở danh mục được Bộ phê duyệt, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, định mức đã duyệt và các quy định hiện hành.*"

**Điều 2.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 4) của Dự án thành phần "DATP8: Xây dựng, cải tạo Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô, giai đoạn 2" gồm 08 gói thầu. *Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.*

Cho phép bổ sung công việc quản lý dự án (đối với các hạng mục bổ sung mới) vào Hợp đồng gói thầu "*GT02-Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án*" và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đến khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án thành phần. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thương thảo, ký kết điều chỉnh, quản lý hợp đồng theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 3821/QĐ-BNN-XD ngày 10/10/2022 phê duyệt dự án đầu tư và số 1510/QĐ-BNN-XD ngày 14/4/2023 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 2) dự án thành phần "DATP8: Xây dựng, cải tạo Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô, giai đoạn 2".

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Trần Thanh Nam;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TƯ và ĐP);
- Lưu VT, XD (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**Nguyễn Hoàng Hiệp**

5112/QĐ-BNN-XD 31/12/2024 18:16:39

**Phụ lục I:**
**DANH MỤC THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO (bổ sung)**
**Dự án thành phần "DATP8: Xây dựng, cải tạo**
**Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô, giai đoạn 2"**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-XD, ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

| TT | Danh mục thiết bị | Đơn vị | Số lượng |
|---|---|---|---|
| 1 | Bàn ghế giáo viên | Bộ | 25 |
| 2 | Bộ bàn ghế học sinh | Bộ | 336 |
| 3 | Bộ bàn ghế họp chuyên môn | Bộ | 2 |
| 4 | Bảng trượt chống lóa | Cái | 4 |
| 5 | Tủ tài liệu | Cái | 8 |
| 6 | Ti vi | Bộ | 4 |
| 7 | Cabin thực hành nghề hàn | Hệ thống | 1 |
| 8 | Máy hàn | Bộ | 1 |
| 9 | Máy mài | Bộ | 2 |
| 10 | Máy cắt | Bộ | 2 |
| 11 | Quạt cây còng nghiệp | Cái | 2 |

**Phụ lục II**

**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-XD ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| TT | HẠNG MỤC CHI PHÍ | GIÁ TRỊ |
|---|---|---|
| **I** | **CHI PHÍ XÂY DỰNG** | **40.323.226** |
| | ***Hạng mục đã thực hiện*** | |
| 1 | Nhà lớp học số 2 | 29.628.914 |
| 2 | Nhà lớp học số 3 | |
| 3 | Hành lang cầu; Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (gồm sân vườn, cấp điện, cấp nước, thoát nước…) | |
| | ***Hạng mục bổ sung*** | |
| 4 | Xưởng thực hành gò và Xưởng thực hành hàn | 10.694.312 |
| **II** | **CHI PHÍ THIẾT BỊ** | **3.508.370** |
| 1 | Thiết bị công trình, PCCC (đã thực hiện) | 1.216.489 |
| 2 | Thiết bị công trình, PCCC (bổ sung) | 459.690 |
| 3 | Trang thiết bị phục vụ đào tạo (bổ sung) | 1.832.191 |
| **II** | **CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN** | **861.691** |
| **IV** | **CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG** | **2.877.290** |
| | ***Giai đoạn chuẩn bị đầu tư*** | ***391.393*** |
| 1 | Lập nhiệm vụ, dự toán chi phí chuẩn bị dự án | 15.361 |
| 2 | Khảo sát, Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi | 349.930 |
| 3 | Lập HSMT/HSYC và đánh giá HSDT/HSĐX | 700 |
| 4 | Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi | 16.733 |
| 5 | Giám sát khảo sát xây dựng | 8.669 |
| | ***Giai đoạn thực hiện dự án*** | ***2.485.897*** |
| 6 | Lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng | 1.055.426 |
| 7 | Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng | 129.275 |
| 8 | Lập HSMT/HSYC, đánh giá HSDT/HSĐX các gói thầu | 135.568 |
| 9 | Thẩm định HSMT/HSYC và KQLCNT | 58.487 |
| 10 | Thẩm định giá thiết bị | 21.644 |
| 11 | Giám sát thi công xây dựng và thiết bị | 974.101 |
| 12 | Lập dự án đầu tư điều chỉnh | 93.268 |
| 13 | Thẩm tra dự án đầu tư điều chỉnh | 18.128 |
| **V** | **CHI PHÍ KHÁC** | **466.477** |
| 1 | Phí thẩm định dự án, thiết kế, dự toán; thẩm duyệt PCCC | 48.212 |
| 2 | Kiểm tra công tác nghiệm thu | 80.000 |
| 3 | Bảo hiểm công trình xây dựng | 44.840 |
| 4 | Kiểm toán độc lập | 222.640 |
| 5 | Thẩm tra, phê duyệt quyết toán | 70.785 |
| **VI** | **CHI PHÍ DỰ PHÒNG** | **1.462.946** |
| | **TỔNG CỘNG** | **49.500.000** |

# Phụ lục III
## KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (ĐỢT 4)

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-XD ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

| TT | Chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu (nghìn đồng) (*) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (Tối đa) | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu (Tối đa) (*) | Tùy chọn mua thêm | Giám sát hoạt động đấu thầu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | | | | | | | | | | |
| 1 | Trường Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô | GT13-Lập HSMT, đánh giá HSDT gói GT18 | Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu GT18 | 45.452 | Vốn NSNN do Bộ NN& PTNT quản lý | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | | 05 ngày | Quý I/2025 | Trọn gói | 04 tháng | Không | Không |
| 2 | | GT14-Thẩm định HSMT, KQLCNT các gói bổ sung | Thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu bổ sung | 25.000 | | Tự thực hiện | | | | | | | |
| 3 | | GT15-Thiết kế BVTC-DT hạng mục bổ sung | Lập thiết kế BVTC, dự toán xây dựng hạng mục bổ sung | 268.427 | | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | | 10 ngày | | | 08 tháng | | |
| 4 | | GT16-Thẩm tra TKBVTC-DT hạng mục bổ sung | Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng hạng mục bổ sung | 39.783 | | | | | | | | | |
| 5 | | GT17-Thẩm định giá thiết bị bổ sung | Thẩm định giá thiết bị bổ sung | 20.000 | | | | | | | 01 tháng | | |
| 6 | | GT18-Thi công xây dựng và thiết bị các hạng mục bổ sung | Thi công xây dựng và thiết bị công trình, PCCC công trình Xưởng thực hành gò và Xưởng thực hành hàn; Thiết bị phục vụ đào tạo | 13.520.909 | | Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng) | 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ | 40 ngày | Quý I-II/2025 | Đơn giá cố định | 08 tháng | | |
| 7 | | GT19-Giám sát thi công và thiết bị gói GT18 | Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị gói thầu GT18 | 294.294 | | Chỉ định thầu (quy trình rút gọn) | | 10 ngày | | Trọn gói | | | |
| 8 | | GT20-Bảo hiểm công trình gói GT18 | Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng gói GT18 | 8.923 | | | | | | | | | |
| | | **Cộng** | | **14.222.788** | | | | | | | | | |

*(*) Thời gian thực hiện gói thầu theo quy định tại khoản 7 Điều 39 Luật đấu thầu; riêng gói thầu GT15, GT16 bao gồm cả thời gian lập, thẩm tra thiết kế-dự toán điều chỉnh, bổ sung (nếu có). Thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật về xây dựng, dân sự. Chủ đầu tư phê duyệt tiến độ chi tiết thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.*